**ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 **TỈNH QUẢNG BÌNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

 Số: 4437/QĐ-UBND *Quảng Bình, ngày 07 tháng 12 năm 2017*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý**

**chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số629/TTr-STNMT ngày 23 tháng 11 năm 2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**Phê duyệt Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Quảng Bình(*có Kế hoạch chi tiết kèm theo*).

**Điều 2.**Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch kèm theo Quyết định này.

**Điều 3.**Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như Điều 3;- Bộ Tài nguyên và Môi trường;- Bộ Y tế;- Tổng cục Môi trường;- Cục Quản lý môi trường y tế;- CT, các PCT UBND tỉnh;- Sở Tư pháp ;- Đài PT&TH Quảng Bình ;- Báo Quảng Bình;- Trung tâm Tin học - Công báo;- Lưu: VT, CVTNMT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****Lê Minh Ngân** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****––––––––––––––––––––––––** |

**KẾ HOẠCH**

**Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại**

**trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2017*

*của Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)*

Thực hiện Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình xây dựng Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích:**

- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắn y tế nguy hại.

- Chất thải rắn y tế nguy hại phát sinh từ các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh được thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định bằng các công trình xử lý môi trường tại các cơ sở y tế đã được đầu tư ở mức tối đa có thể.

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các chủ cơ sở y tế trong công tác thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại.

- Nâng cao hiệu quả quản lý chất thải rắny tế nguy hại, cải thiện chất lượng môi trường, đảm bảo sức khỏe cộng đồng và góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh.

**2. Yêu cầu:**

- Đảm bảo đúng theo các quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắny tế nguy hại và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

- Chất thải rắny tế nguy hại phải được thu gom, phân loại riêng theo quy định về quản lý chất thải y tế và phân loại riêng với chất thải y tế thông thường ngay tại nguồn phát sinh và tại thời điểm phát sinh.

- Các phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắny tế nguy hại; công trình xử lý chất thải rắny tế nguy hại phải đáp ứng yêu cầu theo quy định.

- Các cơ sở y tế phải bố trí nguồn lực nhằm đảm bảo thực hiện tốt công tác quản lý, xử lý chất thải rắny tế nguy hại của cơ sở.

**II. NỘI DUNG**

**1. Tổng quan về các cơ sở y tế, chất thải y tế và công tác quản lý, xử lý chất thải y tế tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.**

***1.1. Tổng quan về các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh:***

Hiện nay, số lượng các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Bình bao gồm: 01 bệnh viện Trung ương đóng trên địa bàn (Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - CuBa Đồng Hới), 01 bệnh viện chuyên khoa (Bệnh viện Y học cổ truyền), 08 cơ sở y tế dự phòng tuyến tỉnh, 01 bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình, 06 bệnh viện đa khoa tuyến huyện, 07 Phòng khám đa khoa khu vực, 08 trung tâm y tế tuyến huyện, 159 trạm y tế xã/phường/thị trấn, 01 cơ sở đào tạo, 02 Chi cục, 181 phòng khám đa khoa, chuyên khoa tư nhân.

***1.2. Khối lượng chất thải rắny tế nguy hại phát sinh tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh:***

Theo số liệu báo cáo chất thải nguy hại định kỳ hàng năm và đăng ký cấp Sổ chủ nguồn chất thải nguy hại, tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắny tế nguy hại tại các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Bình như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên Bệnh viện** | **Khối lượng chất thải rắny tế nguy hại phát sinh (kg/ngày)** | **Khối lượng chất thải rắny tế nguy hại phát sinh (kg/năm)** |
| 1 | Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam Cu Ba - Đồng Hới | 161,3 | 58.880 |
| 2 | Bệnh viện Đa khoa huyện Lệ Thủy | 30 | 10.950 |
| 3 | Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Ninh | 11,7 | 4.268 |
| 4 | Bệnh viện Đa khoa thành phố Đồng Hới | 8,9 | 3.260 |
| 5 | Bệnh viện Y học Cổ truyền | 1,1 | 400 |
| 6 | Bệnh viện Đa khoa huyện Bố Trạch | 77,2 | 28.175 |
| 7 | Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình | 104,1 | 38.000 |
| 8 | Bệnh viện Đa khoa huyện Tuyên Hóa | 2,2 | 820 |
| 9 | Bệnh viện Đa khoa huyện Minh Hóa | 6,8 | 2.492 |
|  | **Tổng** | **403,4** | **147.245** |

***1.3. Phân định chất thải rắny tế nguy hại phát sinh tại các cơ sở y tế.***

Chất thải rắny tế nguy hại là chất thải rắny tế chứa yếu tố lây nhiễm hoặc có đặc tính nguy hại khác vượt ngưỡng chất thải nguy hại, bao gồm chất thải lây nhiễm và chất thải nguy hại không lây nhiễm.

- Chất thải lây nhiễm gồm:

+ Chất thải lây nhiễm sắc nhọn: Là chất thải lây nhiễm có thể gây ra các vết cắt hoặc xuyên thủng bao gồm: kim tiêm; bơm liền kim tiêm; đầu sắc nhọn của dây truyền; kim chọc dò; kim châm cứu; lưỡi dao mổ; đinh, cưa dùng trong phẫu thuật và các vật sắc nhọn khác.

+ Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn bao gồm: Chất thải thấm, dính, chứa máu hoặc dịch sinh học của cơ thể; các chất thải phát sinh từ buồng bệnh cách ly

+ Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao bao gồm: Mẫu bệnh phẩm, dụng cụ đựng, dính mẫu bệnh phẩm, chất thải dính mẫu bệnh phẩm phát sinh từ các phòng xét nghiệm an toàn sinh học cấp III trở lên theo quy định tại Nghị định số 92/2010/NĐ-CP ngày 30/8/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm.

+ Chất thải giải phẫu bao gồm: Mô, bộ phận cơ thể người thải bỏ và xác động vật thí nghiệm.

- Chất thải nguy hại không lây nhiễm gồm:

+ Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại theo quy định

+ Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất.

+ Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân và các kim loại nặng.

+ Chất hàn răng amalgam thải bỏ.

+Chất thải nguy hại khác theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT- BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

***1.4. Hiện trạng công tác quản lý và năng lực xử lý chất thải rắny tế nguy hại tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh:***

*1.4.1. Công tác phân loại, thu gom:*

Hầu hết các cơ sở y tế đã bố trí túi nilon, hộp an toàn và các xô, thùng để phục vụ công tác phân loại, thu gom. Về cơ bản công tác phân loại, thu gom chất thải y tế trong đó có chất thải rắn y tế nguy hại đã đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc bố trí túi nilon, hộp an toàn đảm bảo theo quy định còn chưa đầy đủ hoặc túi nilon, hộp an toàn chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật. Tại một số cơ sở còn có hiện tượng lưu giữ chất thải có tính nguy hại bằng dụng cụ, thiết bị thu gom không đúng theo quy định hoặc còn để lẫn chất thải nguy hại với chất thải thông thường/chất thải nguy hại khác loại.

*1.4.2. Năng lực xử lý:*

Trước đây, trừ một số cơ sở y tế hợp đồng với các cơ sở y tế khác để xử lý chất thải rắn y tế nguy hại, còn lại các cơ sở y tế cóchất thải rắn y tế nguy hại được đốt và chôn lấp không đảm bảo theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, một số lò đốt chất thải rắn y tế nguy hại đã xuống cấp, hư hỏng không đáp ứng yêu cầu trong việc xử lý.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 07 bệnh viện *(bao gồm: Bệnh viện đa khoa vực Bắc Quảng Bình, Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hoá, Tuyên Hoá, Bố Trạch, Quảng Ninh, Lệ Thuỷ và TP.Đồng Hới)* đang được Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện - Bộ Y tế đầu tư xây dựng hệ thống xử lý tiêu huỷ chất thải rắn y tế nguy hại bằng phương pháp hấp, khử trùng kết hợp với cắt nhỏ được đầu tư cho các bệnh viện với công suấtthiết kế cụ thểnhư sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên Bệnh viện** | **Công suất xử lý (kg/1mẻ/1giờ)** |
| 1 | Bệnh viện Đa khoa huyện Lệ Thủy | 25 |
| 2 | Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Ninh | 18 |
| 3 | Bệnh viện Đa khoa thành phố Đồng Hới | 18-25 |
| 4 | Bệnh viện Đa khoa huyện Bố Trạch | 25 |
| 5 | Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình | 25 |
| 6 | Bệnh viện Đa khoa huyện Tuyên Hóa | 18 |
| 7 | Bệnh viện Đa khoa huyện Minh Hóa | 18 |

Qua tính toán sơ bộ cho thấy, các hệ thống xử lý với công suất thiết kế được đầu tư cho các bệnh viện như trên sẽ đáp ứng được yêu cầu xử lý chất thải rắn y tế nguy hại theo cụm cho các địa phương.

**2. Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắny tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.**

***2.1. Yêu cầu chung:***

*2.1.1. Xử lý theo cụm cơ sở y tế(chỉ áp dụng đối với chất thải rắn y tế nguy hại):*

- Chất thải rắny tế trong một cụm được thu gom và xử lý chung tại hệ thống, thiết bị xử lý đáp ứng yêu cầu quy định của một cơ sở trong cụm. Các cơ sở y tế không có hệ thống, thiết bị xử lý chất thải rắny tế nguy hại theo quy định sẽ được áp dụng mô hình xử lý chất thải rắny tế nguy hại theo cụm cơ sở y tế.

- Thiết bị xử lý chất thải rắny tế nguy hại của cơ sở đảm trách xử lý theo cụm phải được đầu tư đáp ứng quy chuẩn về bảo vệ môi trường và vận hành thường xuyên, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và ghi đầy đủ thông tin vào Sổ nhật ký vận hành theo quy định về xử lý chất thải y tế nguy hại.

- Trường hợp chất thải rắny tế nguy hại trong cụm phát sinh vượt quá khả năng xử lý của cơ sở được chỉ định xử lý thì cơ sở này phải ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân có giấy phép phù hợp để xử lý.

***2.1.2. Phân định cụm xử lý chất thải*** *rắn****y tế nguy hại:***

**Các cơ sở y tế phát sinh chất thải**rắn **y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Quảng Bình được phân thành 07 cụm theo địa giới hành chính để xử lý như sau:**

-Cụm 1 -Bệnh viện Đa khoa huyện Minh Hoá: Xử lý chất thải rắn y tế nguy hại phát sinh của Bệnh viện, Phòng khám Đa khoa khu vực Hoá Tiến, Trung tâm Y tế huyện, 16 trạm y tế xã và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện Minh Hoá.

-Cụm 2 - Bệnh viện Đa khoa huyện Tuyên Hoá: Xử lý chất thải rắn y tế nguy hại phát sinh củaBệnh viện, Phòng khám Đa khoa khu vực Mai Hoá, Thanh Lạng; 20 trạm y tế xã, Trung tâm Y tế huyện và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện Tuyên Hoá.

-Cụm 3 - Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình: Xử lý chất thải rắn y tế nguy hại phát sinh của Bệnh viện, 34 trạm y tế xã, phường, thị trấn, Trung tâm Y tế và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện Quảng Trạch và thị xã Ba Đồn.

- Cụm 4 - Bệnh viện Đa khoa huyện Bố Trạch: Xử lý chất thải rắn y tế nguy hại phát sinh củaBệnh viện, Phòng khám Đa khoa khu vực Sơn Trạch, 30 trạm y tế xã, thị trấn, Trung tâm Y tế và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện Bố Trạch.

- Cụm 5 - Bệnh viện Đa khoa thành phố Đồng Hới: Xử lý chất thải rắn y tế nguy hại phát sinh củaBệnh viện, Phòng khám Đa khoa khu vực Cộn, Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh, Trung tâm Y tế, 16 trạm y tế xã, phường, các trung tâm y tế tuyến tỉnh và các phòng khám tư nhân trên địa bàn thành phố Đồng Hới.

- Cụm 6 - Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Ninh: Xử lý chất thải rắn y tế nguy hại phát sinh củaBệnh viện, Phòng khám Đa khoa khu vực Nam Long, 15 trạm y tế xã, thị trấn, Trung tâm Y tế và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện Quảng Ninh.

- Cụm 7 - Bệnh viện Đa khoa huyện Lệ Thuỷ: Xử lý chất thải rắn y tế nguy hại phát sinh của Bệnh viện, Phòng khám Đa khoa khu vực Lệ Ninh, 28 trạm y tế xã, thị trấn, Trung tâm Y tế và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện Lệ Thuỷ.

- Riêng Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới tự xử lý chất thải rắn y tế nguy hại phát sinh củaBệnh viện.

*2.1.3. Xử lý tại chỗ:*

- Các cơ sở được chỉ định xử lý theo cụm như tại mục 2.1.2 phải có trách nhiệm tự đầu tư trang thiết bị, công trình để thu gom, lưu giữ chất thải y tế phát sinh, đồng thời phải có biện pháp xử lý theo quy định và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Y tế.

- Đối với các cơ sở y tế thuộc địa bàn cụm nêu tại mục 2.1.2nhưng đã được đầu tư công trình xử lý chất thải rắny tế nguy hại đảm bảo theo quy định thì tự xử lý chất thải rắny tế nguy hại phát sinh từ hoạt động của đơn vị.

***2.2. Yêu cầu cụ thể về thu gom, vận chuyển, lưu giữ chất thải rắn y tế nguy hại.***

*2.2.1. Phân loại, thu gom:*

Các cơ sở y tế có trách nhiệm thu gom, phân loại, lưu giữ chất thải rắny tế nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT, trong đó lưu ý:

- Việc phân loại riêng chất thải rắn y tế nguy hại và chất thải rắn y tế thông thường phải được thực hiện ngay tại nơi phát sinh và tại thời điểm phát sinh. Danh mục và mã chất thải y tế nguy hại được quy định tại Mục A của Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT. Cụ thể:

+ Chất thải lây nhiễm: Phải thu gom riêng từ nơi phát sinh về khu vực lưu giữ chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế; Trong quá trình lưu giữ, túi đựng chất thải phải buộc kín, thùng đựng chất thải phải có nắp đậy kín, bảo đảm không bị rơi, rò rỉ chất thải; Có quy định tuyến đường và thời điểm thu gom chất thải lây nhiễm phù hợp để hạn chế ảnh hưởng đến khu vực chăm sóc người bệnh và khu vực khác trong cơ sở; Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao phải xử lý sơ bộ trước khi thu gom về khu lưu giữ, xử lý chất thải trong khuôn viên cơ sở.

+ Chất thải nguy hại không lây nhiễm: Phải được thu gom, lưu giữ riêng tại khu lưu giữ chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế; Chất thải có chứa thủy ngân được thu gom và lưu giữ riêng trong các hộp bằng nhựa hoặc các vật liệu phù hợp và bảo đảm không bị rò rỉ hay phát tán hơi thủy ngân ra môi trường.

- Tần suất thu gom chất thải lây nhiễm từ nơi phát sinh về khu lưu giữ chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế ít nhất là 01 (một) lần/ngày. Riêng đối với các cơ sở y tế có lượng chất thải lây nhiễm phát sinh dưới 05 kg/ngày, tần suất thu gom chất thải lây nhiễm sắc nhọn từ nơi phát sinh về khu lưu giữ tạm thời trong khuôn viên cơ sở y tế hoặc đưa đi xử lý, tiêu hủy tối thiểu là 01 (một) lần/tháng.

*2.2.2. Lưu giữ:*

- Các cơ sở y tế phải bố trí thiết bị và khu vực lưu giữ chất thải rắny tế trong khuôn viên cơ sở y tế đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Đối với các cơ sở y tế thực hiện xử lý chất thải rắny tế nguy hại cho cụm cơ sở y tế và bệnh viện phải có khu vực lưu giữ chất thải y tế nguy hại đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Mục I, Phụ lục 02 ban hành kèm theo Kế hoạch này.

+ Đối với các cơ sở y tế còn lại phải có khu vực lưu giữ chất thải rắny tế nguy hại đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Mục II, Phụ lục 02 ban hành kèm theo Kế hoạch này.

- Chất thải rắny tế nguy hại và chất thải y tế thông thường phải lưu giữ riêng tại khu vực lưu giữ chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế.

- Chất thải lây nhiễm và chất thải nguy hại không lây nhiễm phải lưu giữ riêng, trừ trường hợp các loại chất thải này áp dụng cùng một phương pháp xử lý.

- Thời gian lưu giữ chất thải lây nhiễm

+ Thời gian lưu giữ chất thải lây nhiễm phát sinh tại cơ sở y tế không quá 02 ngày trong điều kiện bình thường. Trường hợp lưu giữ chất thải lây nhiễm trong thiết bị bảo quản lạnh dưới 80C, thời gian lưu giữ tối đa là 07 ngày. Đối với cơ sở y tế có lượng chất thải lây nhiễm phát sinh dưới 05 kg/ngày, thời gian lưu giữ không quá 03 ngày trong điều kiện bình thường và phải được lưu giữ trong các bao bì được buộc kín hoặc thiết bị lưu chứa được đậy nắp kín.

+ Đối với chất thải lây nhiễm được vận chuyển từ cơ sở y tế khác về cơ sở được chỉ định xử lý theo mô hình cụm, phải ưu tiên xử lý trong ngày. Trường hợp chưa xử lý được trong ngày, phải lưu giữ ở nhiệt độ dưới 200C và thời gian lưu giữ tối đa không quá 02 ngày.

- Thiết bị và khu vực lưu giữ chất thải y tế nguy hại phải có biểu tượng về loại chất thải lưu chứa theo quy định tại Phụ lục 03 kèm theo Kế hoạch này với kích thước phù hợp, được in rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ và phai màu.

*2.2.3. Phương thức vận chuyển:*

a. Đối với các cơ sở xử lý tại chỗ: Thực hiện vận chuyển chất thải rắny tế nguy hại từ các khu vực phát sinh về khu vực lưu giữ chất thải y tế của đơn vị để xử lý đảm bảo đúng quy trình.

b. Đối với các cơ sở xử lý theo cụm:Việc vận chuyển chất thải rắny tế nguy hại từ các cơ sở y tế trong cụm đến cơ sở được chỉ định xử lý cho cụm phải thực hiện bằng các hình thức sau:

-Trường hợp cơ sở y tế trong cụm thuê đơn vị bên ngoài phải có giấy phép xử lý chất thải nguy hại hoặc giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại để thực hiện vận chuyển chất thải của cơ sở mình đến cơ sở xử lý cho cụm. Đối với chủ xử lý chất thải nguy hại, chủ hành nghề quản lý chất thải nguy hại tham gia vận chuyển chất thải rắny tế nguy hại trong cụm nhưng nằm ngoài phạm vi của giấy phép do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép theo quy định tại Khoản 5 Điều 23 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMTtrước khi thực hiện.

-Trường hợp cơ sở y tế trong cụm tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị khác *(không có giấy phép vận chuyển chất thải nguy hại hoặc giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại)* để vận chuyển chất thải rắny tế nguy hại từ cơ sở y tế đến cơ sở được chỉ định xử lý cho cụm phải sử dụng xe thùng kín hoặc xe bảo ôn chuyên dụng để vận chuyển. Nếu sử dụng các loại phương tiện vận chuyển khác,bắt buộc dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải rắn y tế nguy hại trên phương tiện vận chuyển phải được Sở Y tế chấp thuận và đáp ứng các yêu cầu sau đây:

+ Có thành, đáy, nắp kín, kết cấu cứng, chịu được va chạm, không bị rách vỡ bởi trọng lượng chất thải, bảo đảm an toàn trong quá trình vận chuyển;

+ Có biểu tượng về loại chất thải lưu chứa theo quy định tại Phụ lục 03 kèm theo Kế hoạch này với kích thước phù hợp, được in rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ và phai màu trên thiết bị lưu chứa chất thải;

+ Được lắp cố định hoặc có thể tháo rời trên phương tiện vận chuyển nhưng bảo đảm không bị rơi, đổ trong quá trình vận chuyển chất thải;

+ Chất thải lây nhiễm trước khi vận chuyển phải được đóng gói trong các thùng, hộp hoặc túi kín, bảo đảm không bị bục, vỡ hoặc phát tán chất thải trên đường vận chuyển.

c. Trong quá trình vận chuyển chất thải rắny tế nguy hại từ cơ sở y tế phát sinh về cơ sở xử lý chất thải y tế cho cụm, nếu xảy ra tràn đổ, cháy, nổ chất thải y tế hoặc các sự cố khác thì phải thực hiện ngay các biện pháp ứng phó, khắc phục sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

2.2.4. Tần suất vận chuyển chất thảirắn y tế nguy hại tới cụm xử lý:

Các cơ sở y tế trong cụm vận chuyển chất thải rắny tế nguy hại tới cơ sở y tế chỉ định xử lý cho cụm với tần suất phù hợp để đảm bảo không được vượt thời gian lưu giữ theo quy định.

***2.3. Yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý chất thải nguy hại***

Yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý chất thải nguy hại được thực hiện theo quy định tại Phụ lục 2 (A) và Phụ lục 2 (B) ban hành kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

**3. Tổng hợp Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.**

Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo.

**III. KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**

- Kinh phí sự nghiệp môi trường phân bổ cho Sở Y tế hoặc các nguồn hỗ trợ khác (nếu có);

- Nguồn kinh phí thu từ các cơ sở y tế thuộc đối tượng phải xử lý chất thải y tế nguy hại theo cụm;

- Kinh phí thường xuyên của các đơn vị (đối với các cơ sở tự xử lý chất thải y tế nguy hại tại cơ sở).

**IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Sở Tài nguyên và Môi trường:**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan chỉ đạo các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Hướng dẫn các phương pháp xử lý, tiêu hủy chất thải rắn y tế nguy hại và các biện pháp xử lý nước thải y tế phù hợp theo quy định của pháp luật, hướng dẫn của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường cho các cơ sở y tế không thuộc đối tượng phải xử lý chất thải y tế nguy hại theo cụm nêu trong Kế hoạch.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh thực hiện việc phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT, hướng dẫn chi tiết việc sử dụng các phương tiện vận chuyển thích hợp để tự vận chuyển chất thải y tế nguy hại từ cơ sở đến cơ sở xử lý cho cụm và các nội dung khác trong Kế hoạch.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường, việc thực hiện các quy định về quản lý chất thải y tế, đặc biệt là chất thải y tế nguy hại theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT, Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT.

- Chủ trì tham mưu điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch này khi có sự thay đổi các quy định của pháp luật hoặc tình hình thực tế công tác quản lý chất thải y tế trên địa bàn tỉnh.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả quản lý chất thải nguy hại (bao gồm cả chất thải y tế) theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT.

**2. Sở Y tế:**

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan chỉ đạo các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức tập huấn, hướng dẫn các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh thực hiện việc thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT, hướng dẫn chi tiết việc sử dụng các phương tiện vận chuyển thích hợp để tự vận chuyển chất thải y tế nguy hại từ cơ sở đến cơ sở xử lý cho cụm và các nội dung khác trong Kế hoạch.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường, việc thực hiện các quy định về quản lý chất thải y tế đặc biệt là chất thải y tế nguy hại theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT, Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT.

- Kịp thời thông tin cho Sở Tài nguyên và Môi trường về các thay đổi trong thực tế công tác quản lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh và phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xây dựng dự thảo Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan xây dựng đơn giá xử lý chất thải y tế đối với các cơ sở y tế xử lý theo cụm.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế trên địa bàn theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 (B) ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Quản lý môi trường y tế, Bộ Y tế trước ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo.

**3. Sở Tài chính:**

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường phân bổ cho Sở Y tế hỗ trợ các cơ sở y tế trong công tác xử lý chất thải y tế nguy hại.

- Trên cơ sở đề nghị của Sở Y tế, thẩm định phương án giá xử lý chất thải y tế nguy hại đối với các cơ sở y tế xử lý theo cụm.

**4. Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phương án cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư cho các công trình, dự án quản lý chất thải y tế nguy hại được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhằm đáp ứng tốt yêu cầu chủ động xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh.

**5. Công an tỉnh:**

Tăng cường công tác kiểm tra,kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạmtrong việc thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại đối với các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

**6. Sở Thông tin và Truyền thông**

Chỉ đạo các cơ quan báo chí, các phương tiện truyền thông trên địa bàn tỉnh tổ chức tuyên truyền nội dung của Kế hoạch rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

**7. Báo Quảng Bình, Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Bình:**

Tổ chức thông tin, tuyên truyền các nội dung của Kế hoạch trên các phương tiện thông tin đại chúng.

**8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:**

Chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị liên quan thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm theo thẩm quyền trong công tác quản lý chất thải y tế nguy hại tại các cơ sở y tế trên địa bàn và việc thực hiện vận chuyển chất thải y tế nguy hại từ các cơ sở y tế về cụm xử lý.

**9. Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh:**

- Thực hiện quản lý chất thải y tế theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT, Thông tư liên tịch số 58/TTLT-BYT-BTNMT và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Phân công 01 Lãnh đạo phụ trách về công tác quản lý chất thải y tế và 01 khoa, phòng hoặc cán bộ chuyên trách về công tác quản lý chất thải y tế của cơ sở.

- Lập và ghi đầy đủ thông tin vào Sổ giao nhận chất thải y tế nguy hại theo quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Kế hoạch này (trừ trường hợp cơ sở y tế tự thực hiện xử lý chất thải y tế), sử dụng Sổ giao nhận chất thải y tế nguy hại thay thế cho chứng từ chất thải y tế nguy hại khi chuyển giao.

- Bố trí đủ kinh phí, nhân lực hoặc ký hợp đồng với đơn vị bên ngoài để thực hiện việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế phát sinh tại cơ sở, hoặc chi trả theo đơn giá xử lý chất thải rắn y tế nguy hại cho cơ sở xử lý theo cụm theo hướng dẫn của Sở Y tế, Sở Tài chính.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật và đào tạo, tập huấn về quản lý chất thải y tế cho tất cả cán bộ, nhân viên của cơ sở và các đối tượng liên quan nhằm đảm bảo công tác quản lý chất thải y tế nói chung và chất thải rắn y tế nguy hại nói riêng tại cơ sở được hiệu quả, đáp ứng quy định của pháp luật.

- Báo cáo kết quả quản lý chất thải rắn y tế nguy hại của cơ sở theo mẫu quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Kế hoạch này về Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Y tế trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.

**10.Trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở y tế thực hiện xử lý chất thải rắn y tế nguy hại cho các cụm xử lý:**

Ngoài việc thực hiện các quy định tại Mục 9, phần IV của Kế hoạch này, người đứng đầu cơ sở y tế thực hiện xử lý chất thải rắn y tế nguy hại cho các cụm xử lý phải thực hiện các yêu cầu sau đây:

- Thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đảm bảo yêu cầu theo nội dung trong Kế hoạch này.

- Bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật về khu lưu giữ và thiết bị lưu giữ, thời gian lưu giữ, xử lý chất thải rắn y tế nguy hại tiếp nhận từ các cơ sở y tế trong cụm và các yêu cầu kỹ thuật về phương tiện vận chuyển và thiết bị lưu chứa chất thải trên phương tiện vận chuyển theo quy định trong trường hợp thực hiện hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải y tế từ các cơ sở y tế trong cụm xử lý.

- Đến tại thời điểm Kế hoạch này ban hành, cơ sở y tế được chỉ định thực hiện việc xử lý chất thải rắn y tế nguy hại cho cụm chưa được đầu tư hoàn thiện hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đảm bảo yêu cầu theo quy định, có trách nhiệm làm đầu mối tiếp nhận, lưu giữ và thuê đơn vị được cấp phép xử lý chất thải nguy hại để vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế nguy hại phát sinh cho các cơ sở y tế trong cụm.

Trên đây là Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình yêu cầu các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện để công tác quản lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh đạt kết quả tốt, đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan, góp phần bảo vệ môi trường./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**

 **Đã ký**

**Lê Minh Ngân**

**Phụ lục 01**

**Tổng hợp Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)***

| **TT** | **Các cụm xử lý chất thải y tế** | **Địa điểm thực hiện** | **Công nghệ, phương pháp và công suất xử lý** | **Phạm vi thực hiện** | **Đơn vị thu gom, vận chuyển** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Trên địa bàn huyện Minh Hoá** |  |  |  |  |
|  | Cụm 1: Bệnh viện Đa khoa huyện Minh Hoá | Thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hoá | Hấp ướt, khử trùng, kết hợp với cắt nhỏ, công suất ≤ 18 kg/mẻ/1giờ | Của cơ sở và phòng khám đa khoa khu vực Hoá Tiến, Trung tâm Y tế huyện, 16 trạm y tế xã và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện Minh Hoá. | Các cơ sở trong cụm tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển đảm bảo theo đúng quy định. |
| **2** | **Trên địa bàn huyện Tuyên Hoá**  |  |  |  |  |
|  | Cụm 2 : Bệnh viện Đa khoa huyện Tuyên Hoá | Thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hoá | Hấp ướt, khử trùng, kết hợp với cắt nhỏ, công suất ≤ 18 kg/mẻ/1giờ | Của cơ sở và phòng khám đa khoa khu vực Mai Hoá, Thanh Lạng; 20 trạm y tế xã, Trung tâm Y tế và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện Tuyên Hoá. | Các cơ sở trong cụm tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển đảm bảo theo đúng quy định. |
| **3** | **Trên địa bàn huyện Quảng Trạch và thị xã Ba Đồn**  |  |  |  |  |
|  | Cụm 3: Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình | Phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn | Hấp ướt, khử trùng, kết hợp với cắt nhỏ, công suất ≤ 25 kg/mẻ/1giờ | Của cơ sở và 34 trạm y tế xã, phường, thị trấn, Trung tâm Y tế và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện Quảng Trạch và thị xã Ba Đồn | Các cơ sở trong cụm tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyểnđảm bảo theo đúng quy định. |
| **4** | **Trên địa bàn huyện Bố Trạch** |  |  |  |  |
|  | Cụm 4: Bệnh viện Đa khoa huyện Bố Trạch | Thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch | Hấp ướt, khử trùng, kết hợp với cắt nhỏ, công suất ≤ 25 kg/mẻ/1giờ | Của cơ sở và phòng khám đa khoa khu vực Sơn Trạch, 30 trạm y tế xã, thị trấn, Trung tâm Y tế và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện Bố Trạch | Các cơ sở trong cụm tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyểnđảm bảo theo đúng quy định. |
| **5** | **Trên địa bàn thành phố Đồng Hới** |  |  |  |  |
| 5.1 | Cụm 5: Bệnh viện đa khoa thành phố Đồng Hới | Phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới | Hấp ướt, khử trùng, kết hợp với cắt nhỏ, công suất 18-25 kg/mẻ/1giờ | Của cơ sở và Phòng khám Đa khoa khu vực Cộn, Bệnh viện Y học cổ truyền, Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản, Trung tâm Y tế dự phòng, Trung tâm Phòng chống bệnh xã hội, Trung tâm Pháp y, Trung tâm kiểm nghiệm thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm, Trung tâm PC sốt rét - Nội tiết, Trung tâm PC HIV/AIDS; 16 trạm y tế xã, phường, các trung tâm y tế tuyến tỉnh và các phòng khám tư nhân trên địa bàn thành phố Đồng Hới | Các cơ sở trong cụm tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyểnđảm bảo theo đúng quy định. |
| 5.2 | Bệnh viện HN Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới | Phường Nam Lý, TP.Đồng Hới |  | Xử lý chất thải rắn y tế nguy hại do cơ sở phát sinh ra, không thực hiện xử lý chất thải y tế nguy hại theo cụm. |  |
| **6** | **Trên địa bàn huyện Quảng Ninh** |  |  |  |  |
|  | Cụm 6: Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Ninh | Xã Gia Ninh, huyện Quảng Ninh | Hấp ướt, khử trùng, kết hợp với cắt nhỏ, công suất ≤ 18 kg/mẻ/1giờ | Của cơ sở và phòng khám đa khoa khu vực Nam Long, 15 trạm y tế xã, thị trấn, Trung tâm Y tế và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện Quảng Ninh | Các cơ sở trong cụm tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyểnđảm bảo theo đúng quy định. |
| **7** | **Trên địa bàn huyện Lệ Thuỷ** |  |  |  |  |
|  | Cụm 7: Bệnh viện đa khoa huyện Lệ Thuỷ | Thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thuỷ | Hấp ướt, khử trùng, kết hợp với cắt nhỏ, công suất ≤25 kg/mẻ/1giờ | Của cơ sở và phòng khám đa khoa khu vực Lệ Ninh, 28 trạm y tế xã, thị trấn, Trung tâm Y tế và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện Lệ Thuỷ | Các cơ sở trong cụm tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyểnđảm bảo theo đúng quy định. |

**Phụ lục 02**

**Yêu cầu kỹ thuật khu lưu giữ chất thải tại cơ sở y tế**

***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2017***

 ***của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)***

**I. Đối với các cơ sở y tế thực hiện xử lý chất thải rắn y tế theo mô hình cụm cơ sở y tế và bệnh viện:**

1. Có mái che cho khu vực lưu giữ; nền đảm bảo không bị ngập lụt, tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, không bị chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn.

2. Có phân chia các ô hoặc có dụng cụ, thiết bị lưu giữ riêng cho từng loại chất thải hoặc nhóm chất thải có cùng tính chất; từng ô, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế nguy hại trong khu vực lưu giữ phải có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải y tế nguy hại được lưu giữ theo Phụ lục số 03 của Kế hoạch này với kích thước phù hợp, dễ nhận biết;

3. Có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, đổ tràn chất thải y tế nguy hại ở dạng lỏng.

4. Có thiết bị phòng cháy chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy.

5. Dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải phải thường xuyên vệ sinh sạch sẽ.

**II. Đối với các cơ sở y tế khác**

1. Có mái che cho khu vực lưu giữ; nền đảm bảo không bị ngập lụt, tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, không bị chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn.

2. Phải bố trí vị trí phù hợp để đặt các dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế.

3. Dụng cụ, thiết bị lưu chứa phải phù hợp với từng loại chất thải và lượng chất thải phát sinh trong cơ sở y tế. Các chất thải khác nhau nhưng cùng áp dụng một phương pháp xử lý được lưu giữ trong cùng một dụng cụ, thiết bị lưu chứa.

4. Dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải phải có nắp đậy kín, có biểu tượng loại chất thải lưu giữ theo đúng quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Kế hoạch này.

5. Dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải phải thường xuyên vệ sinh sạch sẽ.

**Phụ lục 03**

**Biểu tượng trên bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế**

***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2017***

***của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)***

|  |  |
| --- | --- |
| CẢNH BÁO VỀ CHẤT THẢI CÓ CHỨA CHẤT GÂY ĐỘC TẾ BÀO | CẢNH BÁO VỀ CHẤT THẢI CÓ CHỨACHẤT GÂY BỆNH |
| CẢNH BÁO CHUNG VỀ SỰ NGUY HIỂMCỦA CHẤT THẢI NGUY HẠI | BIỂU TƯỢNG CHẤT THẢI TÁI CHẾ |
| CẢNH BÁO VỀ CHẤT THẢI CÓ CHỨA CÁC CHẤT ĐỘC HẠI | CẢNH BÁO VỀ CHẤT THẢI CÓ CHỨA CHẤT ĂN MÒN |
|  | CẢNH BÁO VỀ CHẤT THẢI CÓ CHẤT DỄ CHÁY |  |

*Ghi chú:* Trình bày, thiết kế và màu sắc của dấu hiệu cảnh báo chất thải nguy hại áp dụng theo các quy định trong TCVN 5053 : 1990.

**Phụ lục 04**

**Mẫu sổ giao nhận chất thải y tế nguy hại**

***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2017***

***củaỦy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)***

**I. Mẫu bìa sổ:**

|  |
| --- |
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN**TÊN CƠ SỞ Y TẾ----------------****SỔ GIAO NHẬN CHẤT THẢI Y TẾ NGUY HẠI** |

**II. Nội dung ghi trong sổ:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày tháng năm | Lượng chất thải bàn giao (Kg) | Người giao chất thải(Ký ghi rõ họ và tên) | Người nhận chất thải (Ký ghi rõ họ và tên) |
| Chất thải lây nhiễm | Chất thải nguy hại khác | Tổng số |
| Sắc nhọn | Không sắc nhọn | Giải phẫu | Chất thải A | Chất thải B | ... |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Cộng tháng... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Ghi chú:**

- Sổ giao nhận chất thải này được sử dụng thay thế cho chứng từ chất thải nguy hại đối với cơ sở y tế xử lý chất thải y tế theo mô hình cụm khi bàn giao chất thải; Đối với cơ sở y tế thuê đơn vị xử lý chất thải theo mô hình tập trung được sử dụng để theo dõi lượng chất thải bàn giao trong tháng làm cơ sở để xuất chứng từ chất thải nguy hại hàng tháng;

- Sổ bàn giao chất thải được Chủ nguồn thải lập thành 02 Sổ, Chủ nguồn thải giữ 01 Sổ và Cơ sở xử lý chất thải giữ 01 Sổ. Mỗi lần giao nhận chất thải giữa hai bên phải điền đầy đủ thông tin và ký nhận giữa hai bên vào 02 sổ để theo dõi, đối chiếu và quản lý;

- Không được tẩy xóa, sửa chữa các thông tin trong sổ.

**Phụ lục 05**

**Mẫu Báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế định kỳ của cơ sở y tế**

***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2017***

***củaỦy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)***

|  |  |
| --- | --- |
| ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN…………**TÊN CƠ SỞ Y TẾ……………----------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc------------------** |
| Số: ……/…… | *……, ngày... tháng... năm……* |

**BÁO CÁO KẾT QUẢ QUẢN LÝ CHẤT THẢI Y TẾ**

*(Kỳ báo cáo: từ ngày 01/01/20…… đến ngày 31/12/20…...)*

 Kính gửi:

- Sở Y tế;

- Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Phần 1. Thông tin chung**

1.1. Tên cơ sở y tế (Chủ nguồn thải): ………………………………………

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Mã số QLCTNH (Nếu không có thì thay bằng số Chứng minh nhân dân đối với cá nhân):

Tên người tổng hợp báo cáo: ……………………………………………….

Điện thoại: …………………………; Email: ………………………………

1.2. Cơ sở phát sinh CTNH (trường hợp có nhiều hơn một thì trình bày từng cơ sở)

Tên cơ sở (nếu có)

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

1.3. Số giường bệnh kế hoạch (nếu có): ……………; Số giường bệnh thực kê: ……………...

**Phần 2. Tình hình chung về quản lý chất thải y tế tại cơ sở y tế trong kỳ báo cáo**

2.1. Tình hình chung về quản lý chất thải y tế tại cơ sở y tế trong kỳ báo cáo:

2.2. Thống kê chất thải y tế phát sinh và được xử lý trong kỳ báo cáo:

(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh chất thải y tế thì báo cáo lần lượt đối với từng cơ sở y tế)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại chất thải y tế | Mã CTNH | Đơn vị tính | Số lượng chất thải phát sinh | Xử lý chất thải y tế |
| Chuyển giao cho đơn vị khác xử lý | Tự xử lý tại cơ sở y tế | Hình thức/ Phương pháp xử lý (\*) |
| Số lượng | Tên và mã số QLCTNH | Số lượng |
| 1 | Chất thải lây nhiễm, gồm: |  | kg/năm |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Chất thải lây nhiễm sắc nhọn |  | kg/năm |  |  |  |  |  |
| 1.2 | Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn |  | kg/năm |  |  |  |  |  |
| 1.3 | Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao |  | kg/năm |  |  |  |  |  |
| 1.4 | Chất thải giải phẫu |  | kg/năm |  |  |  |  |  |
| 2 | Chất thải nguy hại không lây nhiễm, gồm: |  | kg/năm |  |  |  |  |  |
| 2.1 | Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại |  | kg/năm |  |  |  |  |  |
| 2.2 | Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất |  | kg/năm |  |  |  |  |  |
| 2.3 | Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân và các kim loại nặng |  | kg/năm |  |  |  |  |  |
| 2.4 | Chất hàn răng amalgam thải bỏ |  | kg/năm |  |  |  |  |  |
| 2.5 | Chất thải nguy hại khác |  | kg/năm |  |  |  |  |  |
| 3 | Chất thải y tế thông thường |  | kg/năm |  |  |  |  |  |
| 4 | Nước thải y tế |  | m3/năm |  |  |  |  |  |

Ghi chú: (\*) Hình thức/phương pháp tự xử lý chất thải y tế tại cơ sở y tế:

- Chất thải y tế nguy hại và chất thải y tế thông thường: KĐ (hấp ướt, vi sóng), C (Chôn lấp), LĐ (lò đốt 2 buồng). TC (đốt 1 buồng hoặc đốt thủ công), K (phương pháp khác);

Trường hợp một loại chất thải có áp dụng đồng thời trong kỳ báo cáo cả việc thuê xử lý và tự xử lý thì cần ghi rõ hình thức và phương pháp xử lý cho từng trường hợp cụ thể.

- Nước thải y tế: HTXLNT (xử lý qua hệ thống xử lý nước thải), KT (Không xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải, chỉ khử trùng nước thải trước khi xả ra môi trường), KXL (Không xử lý, thải thẳng ra môi trường).

2.3. Thống kê xử lý chất thải y tế trong năm theo mô hình cụm cơ sở y tế (chỉ thực hiện đối với cơ sở y tế xử lý chất thải y tế cho cụm cơ sở y tế):

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại chất thải y tế | Lượng chất thải y tế nhận từ các cơ sở y tế trong cụm(kg/năm) | Phạm vi xử lý (ghi tên các cơ sở y tế trong cụm) |
| 1 |  |  |  |
| ... |  |  |  |

**Phần 3. Kế hoạch quản lý chất thải y tế trong năm tiếp theo**

**Phần 4. Các vấn đề khác**

**Phần 5. Kết luận, kiến nghị**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***… | **THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ***(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)* |